

Số: 126/2022/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 04 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày **24 tháng 02 năm 2022**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 478/2021/HNST ngày 08 tháng 12 năm 2021 về “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, giữa:

Người yêu cầu:

1. Bà Võ Ngọc Phương L, sinh năm 1992;

Địa chỉ: đường A, Khu phố B, phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Duy T, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Địa chỉ: đường A, Khu phố B, phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy T và bà Võ Ngọc Phương L thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2018, đăng ký ngày 03/5/2018 tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ theo quy định pháp luật đây là hôn nhân hợp pháp, do đó khi có yêu cầu ly hôn, được áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình và thủ tục giải quyết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình chung sống, giữa bà L và ông T phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân quan điểm, cách sống khác nhau. Ông bà đã cùng nhau khắc phục, sửa chữa nhưng không thành.

Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa bà L và ông T không đạt được, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Căn cứ bản sao Trích lục khai sinh số 715/TLKS-BS, ngày 14/11/2018 của Ủy ban nhân dân phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời khai nhận của ông Nguyễn Duy T và bà Võ Ngọc Phương L; ông Tân và bà L có 01 (một) con chung là Nguyễn Võ Thiện N (Nam), sinh ngày 05/11/2018. Cả hai thỏa thuận giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung; bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên; vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Duy T và bà Võ Ngọc Phương L tự nguyện chịu. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Duy T và bà Võ Ngọc Phương L thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 46/2018, đăng ký ngày 3/5/2018 tại Ủy ban nhân dân phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Căn cứ bản sao Trích lục khai sinh số 715/TLKS-BS, ngày 14/11/2018 của Ủy ban nhân dân phường C, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh cùng lời khai nhận của ông Nguyễn Duy T và bà Võ Ngọc Phương L; ông T và bà L có 01 (một) con chung là Nguyễn Võ Thiện N (Nam), sinh ngày 05/11/2018; giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng con chung; bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên; vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

**2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm:** Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0013760 ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Duy T và bà Võ Ngọc Phương L đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND Tp. HCM
- VKSND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, HS, (Vy).

**THẨM PHÁN**

**Lê Thuần Phong**